

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
KHOA KINH TẾ
Số:/KH-KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO KHÓA 26

Ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH (Chuyên ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP)

Bậc: Cao đẳng Chính quy

Học kỳ: 01

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109026	Tiếng Anh 1	60	30	30	3			2	1			TN	Đào Thị Hồng Hạnh	
2	MH1109016	Tin học	75	15	60	3			1		2		TN	Phạm Minh Trung	
3	MH1104038	Marketing căn bản	60	30	30	3			2	1			TNTM	Nguyễn Tiến Dũng	
4	MH1104034	Kinh tế học	60	30	30	3			2	1			TNTM	Trần Thị Hoa	
5	MH1109025	Giao dục quốc phong và an ninh	75	45	30	4								ĐH Tôn Đức Thắng	
6	MH1109023	Giáo dục thể chất 1	30	0	30	1								Nguyễn Đình Hưng	
Tổng cộng:			360	150	210	17	0	0	7	3	2	0			

Học kỳ: 02

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109021	Giáo dục chính trị	75	45	30	4			3	1			TN	Phan Thị Kim Thúy	
2	MH1109027	Tiếng Anh 2	60	30	30	3			2	1			TN	Đào Thị Hồng Hạnh	
3	MH1104295	Quản trị học	45	45	0	3			3				TNTM	Trần Thị Hoa	
4	MH1104036	Nguyên lý kế toán	60	30	30	3			2	1			TNTM	GVTG	
5	MH1104039	Tiền tệ - Ngân hàng	45	15	30	2			1	1			TNTM	Lê Trung San	

6	MH1109024	Giáo dục thể chất 2	30	0	30	1								Nguyễn Đình Hưng	
Tổng cộng:			315	165	150	16	0	0	11	4	0	0			

Học kỳ: 03

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109022	Pháp luật	30	30	0	2			2	0			TN	Mai Lan Phuong	
2	MH1104283	Tiếng anh chuyên ngành	60	30	30	3			2	1			TNTM	GVTG	
3	MH1104101	Nguyên lý thống kê	45	15	30	2			1	1			TN	Lê Trung San	
4	MH1104033	Toán kinh tế	60	30	30	3			2	1			TL	Lê Trung San	
5	MH1104233	Soạn thảo văn bản	45	15	30	2			1		1		TLTM	GVTG	
Tổng cộng:			240	120	120	12	0	0	8	3	1	0			

Học kỳ: 04

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109013	Kỹ năng giao tiếp và văn hóa DN	45	15	30	2			1	1			TN	Phạm Thị Dung	
2	MH1104294	Pháp luật kinh tế	30	30		2			2				TNTM	GVTG	
3	MH1104270	Quản trị nhân sự	90	30	60	4			2	2			TNTM	Cao Văn Tài	
4	MH1104006	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	60	30	30	3			2			1	TL	Lê Trung San	
Tổng cộng:			225	105	120	11	0	0	7	3	0	1			

Học kỳ: 05

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104271	Quản trị bán hàng	90	30	60	4			2	2			TNTM	GVTG	
2	MH1104044	Quản trị chiến lược	60	30	30	3			2	1			TNTM	Hồ Thiện Thông Minh	
3	MH1104045	Quản trị tài chính	45	15	30	2			1	1			TNTM	Nguyễn Tiến Dũng	
4	MH1104293	Thực tập doanh nghiệp 1(QTKD)	180		180	4						4	BC	Trần Thị Hoa Hồ Thiện Thông	
Tổng cộng:			375	75	300	13	0	0	5	4	0	4			

Học kỳ: 06

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104040	Thuế	60	30	30	3			2	1			TL	Nguyễn Tiến Dũng	
2	MH1104110	Phân tích hoạt động kinh doanh	60	30	30	3			2	1			TL	Hồ Thiện Thông Minh	
3	MH1104220	Quản trị Marketing	75	15	60	3			1	2			TNTM	Trần Thị Hoa	
4	MH1104050	Thực tập doanh nghiệp 2 (QTKD)	180		180	4						4	BC	Trần Thị Hoa	
Tổng cộng:			375	75	300	13	0	0	5	4	0	4			

Học kỳ: 07

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104047	Quản trị dịch vụ	45	15	30	2			1	1			TNTM	Trần Thị Hoa	
2	MH1104048	Hành vi tổ chức	45	15	30	2			1	1			TNTM	Hồ Thiện Thông Minh	
3	MH1104051	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	225		225	5						5	BC	Hồ Thiện Thông Minh Trần Thị Hoa Nguyễn Tiến Dũng	
Tổng cộng:			315	30	285	9	0	0	2	2	0	5			

PHỤ TRÁCH KHOA
(Ký, họ tên)

ThS. TRẦN THỊ HOA

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

ThS. TRẦN THỊ HOA

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
KHOA KINH TẾ
Số:/KH-KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO KHÓA 26

Ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH (Chuyên ngành: QUẢN TRỊ MARKETING)

Bậc: Cao đẳng Chính quy

Học kỳ: 01

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109026	Tiếng Anh 1	60	30	30	3			2	1			TN	Trương Thị Ngọc Thu	
2	MH1109016	Tin học	75	15	60	3			1		2		TN	Dương Minh Tâm	
3	MH1104038	Marketing căn bản	60	30	30	3			2	1			TN	Nguyễn Tiến Dũng	
4	MH1104034	Kinh tế học	60	30	30	3			2	1			TN	Trần Thị Hoa	
5	MH1109025	Giáo dục quốc phòng và an ninh	75	45	30	4								ĐH Tôn Đức Thắng	
6	MH1109023	Giáo dục thể chất 1	30	0	30	1								Lê Thanh Danh	
Tổng cộng:			360	150	210	17	0	0	7	3	2	0			

Học kỳ: 02

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109021	Giáo dục chính trị	75	45	30	4			3	1			TN	Hồ Thị Trinh	
2	MH1109027	Tiếng Anh 2	60	30	30	3			2	1			TN	Trương Thị Ngọc Thu	
3	MH1104295	Quản trị học	45	45	0	3			3				TN	Trần Thị Hoa	
4	MH1104036	Nguyên lý kế toán	60	30	30	3			2	1			TN	GVTG	
5	MH1104039	Tiền tệ - Ngân hàng	45	15	30	2			1	1			TN	Lê Trung San	

6	MH1109024	Giáo dục thể chất 2	30	0	30	1								Lê Thanh Danh	
Tổng cộng:			315	165	150	16	0	0	11	4	0	0			

Học kỳ: 03

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109022	Pháp luật	30	30	0	2			2	0			TN	Mai Lan Phương	
2	MH1104283	Tiếng anh chuyên ngành	60	30	30	3			2	1			TL	GVTG	
3	MH1104101	Nguyên lý thống kê	45	15	30	2			1	1			TN	Lê Trung San	
4	MH1104033	Toán kinh tế	60	30	30	3			2	1			TL	Lê Trung San	
5	MH1104233	Soạn thảo văn bản	45	15	30	2			1		1		TL	GVTG	
Tổng cộng:			240	120	120	12	0	0	8	3	1	0			

Học kỳ: 04

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109013	Kỹ năng giao tiếp và Văn hóa doanh nghiệp	45	15	30	2			1	1			TN	Phạm Thị Dung	
2	MH1104294	Pháp luật kinh tế	30	30		2			2				TN	GVTG	
3	MH1104271	Quản trị bán hàng	90	30	60	4			2	2			TN	GVTG	
4	MH1104006	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	60	30	30	3			2			1	TL	Lê Trung San	
Tổng cộng:			225	105	120	11	0	0	7	3	0	1			

Học kỳ: 05

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104272	Quản trị Marketing dịch vụ	45	15	30	2			1	1			TN	GVTG	
2	MH1104054	Marketing thương mại	60	30	30	3			2	1			TN	GVTG	
3	MH1104270	Quản trị nhân sự	90	30	60	4			2	2			TN	Cao Văn Tài	
4	MH1104293	Thực tập doanh nghiệp 1 (QTKD)	180		180	4						4	BC	Nguyễn Tiến Dũng	
Tổng cộng:			375	75	300	13	0	0	5	4	0	4			

Học kỳ: 06

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104040	Thuế	60	30	30	3			2	1			TL	Trần Thị Tuyền	
2	MH1104110	Phân tích hoạt động kinh doanh	60	30	30	3			2	1			TL	Hồ Thiện Thông Minh	
3	MH1104275	Thương mại điện tử (QTKD)	75	15	60	3			1	2			TL	GVTG	
4	MH1104050	Thực tập doanh nghiệp 2 (QTKD)	180		180	4						4	BC	Cao Văn Tài	
Tổng cộng:			375	75	300	13	0	0	5	4	0	4			

Học kỳ: 07

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104273	Nghiên cứu marketing	45	15	30	2			1	1			TN	Nguyễn Tiến Dũng	
2	MH1104059	Quan hệ công chúng	45	15	30	2			1	1			TL	GVTG	
3	MH1104051	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	225		225	5						5	BC	Cao Văn Tài Nguyễn Tiến Dũng	
Tổng cộng:			315	30	285	9	0	0	2	2	0	5			

PHỤ TRÁCH KHOA
(Ký, họ tên)

ThS. TRẦN THỊ HOA

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

ThS. TRẦN THỊ HOA

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO KHÓA 26

Ngành: KẾ TOÁN

Bậc: Cao đẳng Chính quy

Học kỳ: 01

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109026	Tiếng Anh 1	60	30	30	3			2	1			TN	Đào Thị Hồng Hạnh	
2	MH1104038	Marketing căn bản	60	30	30	3			2	1			TNTM	Hồ Thiện Thông Minh	
3	MH1104034	Kinh tế học	60	30	30	3			2	1			TNTM	Mai Văn Thành	
4	MH1104116	Tài chính - Tín dụng	45	15	30	2			1	1			TNTM	Trần Thị Tuyền	
5	MH1109025	Giáo dục quốc phòng và an ninh	75	45	30	4								ĐH Tôn Đức Thắng	
6	MH1109023	Giáo dục thể chất 1	30	0	30	1								Nguyễn Đình Hưng	
Tổng cộng:			330	150	180	16	0	0	7	4	0	0			

Học kỳ: 02

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109027	Tiếng Anh 2	60	30	30	3			2	1			TN	Đào Thị Hồng Hạnh	
2	MH1109021	Giáo dục chính trị	75	45	30	4			3	1			TN	Hồ Thị Trinh	
3	MH1104295	Quản trị học	45	45	0	3			3				TNTM	Nguyễn Tiến Dũng	
4	MH1104036	Nguyên lý kế toán	60	30	30	3			2	1			TNTM	Trần Văn Long	
5	MH1109016	Tin học	75	15	60	3			1		2		TN	Phạm Minh Trung	

6	MH1109024	Giáo dục thể chất 2	30	0	30	1								Nguyễn Đình Hưng	
Tổng cộng:			345	165	180	17	0	0	11	3	2	0			

Học kỳ: 03

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109022	Pháp luật	30	30	0	2			2	0			TN	Mai Lan Phuong	
2	MH1104283	Tiếng anh chuyên ngành	60	30	30	3			2	1			TNTM	GVTG	
3	MH1104233	Soạn thảo văn bản	45	15	30	2			1		1		TLTM	GVTG	
4	MH1104115	Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê	60	30	30	3			2	1			TNTM	Lê Trung San	
5	MH1104119	Kế toán doanh nghiệp sản xuất 1	60	30	30	3			2	1			TL	Trần Thị Tuyền	
Tổng cộng:			255	135	120	13	0	0	9	3	1	0			

Học kỳ: 04

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104294	Pháp luật kinh tế	30	30		2			2				TNTM	GVTG	
2	MH1104117	Tài chính doanh nghiệp	60	30	30	3			2	1			TNTM	Nguyễn Tiến Dũng	
3	MH1104121	Kế toán doanh nghiệp sản xuất 2	60	30	30	3			2	1			TL	Trần Văn Long	
4	MH1104125	Kế toán hành chính sự nghiệp	45	15	30	2			1	1			TL	GVTG	

5	MH1104297	Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 1	60		60	2						2	TL	Trần Thị Tuyền	
Tổng cộng:			255	105	150	12	0	0	7	3	0	2			

Học kỳ: 05

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104123	Kế toán doanh nghiệp thương mại	60	30	30	3			2	1			TL	Trần Văn Long	
2	MH1104299	Thực hành kế toán doanh nghiệp thương mại	60		60	2						2	TL	Trần Văn Long	
3	MH1104298	Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 2	60		60	2						2	TL	GVTG	
4	MH1104129	Thực tập doanh nghiệp 1(KT)	135		135	3						3	BC	Trần Văn Long	
Tổng cộng:			315	30	285	10	0	0	2	1	0	7			

Học kỳ: 06

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104040	Thuế	60	30	30	3			2	1			TL	Trần Văn Long	
2	MH1104296	Thực hành khai và báo cáo thuế	60		60	2						2	TL	Trần Văn Long	

3	MH1104274	Kế toán doanh nghiệp trên phần mềm	60	30	30	3			2		1		TL	Trần Thị Tuyền	
4	MH1104130	Thực tập doanh nghiệp 2 (KT)	135		135	3						3	BC	Trần Văn Long	
Tổng cộng:			315	60	255	11	0	0	4	1	1	5			

Học kỳ: 07

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104126	Phân tích báo cáo tài chính	60	30	30	3			2	1			TL	Trần Văn Long	
2	MH1104128	Kế toán Excel	60	30	30	3			2		1		TL	Trần Thị Tuyền	
3	MH1104131	Thực tập tốt nghiệp	225		225	5						5	BC	Trần Văn Long	
Tổng cộng:			345	60	285	11	0	0	4	1	1	5			

PHỤ TRÁCH KHOA
(Ký, họ tên)

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
 Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

ThS. TRẦN THỊ HOA

ThS. TRẦN THỊ HOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngành: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Bậc: Cao đẳng Chính quy

Học kỳ: 01

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109026	Tiếng Anh 1	60	30	30	3			2	1			TN	Đào Thị Hồng Hạnh	
2	MH1104227	Tài chính - Tiền tệ	45	15	30	2			1	1			TNTM	Trần Thị Tuyền	
3	MH1104034	Kinh tế học	60	30	30	3			2	1			TNTM	Mai Văn Thành	
4	MH1104038	Marketing căn bản	60	30	30	3			2	1			TN	Nguyễn Tiến Dũng	
5	MH1109025	Giáo dục quốc phòng và an ninh	75	45	30	4								ĐH Tôn Đức Thành	
6	MH1109023	Giáo dục thể chất 1	30	0	30	1								Lê Thanh Danh	
Tổng cộng:			330	150	180	16	0	0	7	4	0	0			

Học kỳ: 02

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109027	Tiếng Anh 2	60	30	30	3			2	1			TN	Đào Thị Hồng Hạnh	
2	MH1109021	Giáo dục chính trị	75	45	30	4			3	1			TN	Phan Thị Kim Thúy	
3	MH1104295	Quản trị học	45	45	0	3			3				TNTM	Nguyễn Tiến Dũng	
4	MH1104036	Nguyên lý kế toán	60	30	30	3			2	1			TNTM	GVTG	
5	MH1109016	Tin học	75	15	60	3			1		2		TN	Phạm Minh Trung	
6	MH1109024	Giáo dục thể chất 2	30	0	30	1								Lê Thanh Danh	

Tổng cộng:	345	165	180	17	0	0	11	3	2	0			
------------	-----	-----	-----	----	---	---	----	---	---	---	--	--	--

Học kỳ: 03

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109022	Pháp luật	30	30	0	2			2	0			TN	Mai Lan Phương	
2	MH1104283	Tiếng anh chuyên ngành	60	30	30	3			2	1			TNTM	GVTG	
3	MH1104233	Soạn thảo văn bản	45	15	30	2			1		1		TLTM	GVTG	
4	MH1104115	Lý thuyết xác suất và nguyên lý thống kê	60	30	30	3			2	1			TNTM	Lê Trung San	
5	MH1104013	Kế toán tài chính doanh nghiệp	60	30	30	3			2	1			TL	Trần Văn Long	
Tổng cộng:			255	135	120	13	0	0	9	3	1	0			

Học kỳ: 04

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104294	Pháp luật kinh tế	30	30		2			2				TNTM	GVTG	
2	MH1104228	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	60	30	30	3			2	1			TL	GVTG	
3	MH1104117	Tài chính doanh nghiệp	60	30	30	3			2	1			TNTM	Nguyễn Tiến Dũng	
4	MH1104217	Đầu tư tài chính	45	15	30	2			1	1			TL	GVTG	
5	MH1104204	Thị trường tài chính	45	15	30	2			1	1			TNTM	GVTG	
Tổng cộng:			240	120	120	12	0	0	8	4	0	0			

Học kỳ: 05

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104216	Thẩm định tín dụng	60	30	30	3			2	1			TL	GVTG	
2	MH1104229	Thanh toán quốc tế	45	15	30	2			1	1			TNTM	Mai Văn Thành	
3	MH1104030	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	45	15	30	2			1	1			TNTM	Nguyễn Tiến Dũng	
4	MH1104223	Thực tập doanh nghiệp ngân hàng 1	135		135	3						3	BC	Trần Thị Tuyền	
Tổng cộng:			285	60	225	10	0	0	4	3	0	3			

Học kỳ: 06

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104040	Thuế	60	30	30	3			2	1			TL	GVTG	
2	MH1104215	Thực hành nghiệp vụ ngân hàng mô phỏng	135		135	3						3	BC	GVTG	
3	MH1104226	Tài chính quốc tế	60	30	30	3			2	1			TL	GVTG	
4	MH1104224	Thực tập doanh nghiệp ngân hàng 2	135		135	3						3	BC	Trần Thị Tuyền	
Tổng cộng:			390	60	330	12	0	0	4	2	0	6			

Học kỳ: 07

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104126	Phân tích báo cáo tài chính	60	30	30	3			2	1			TL	Trần Văn Long	
2	MH1104209	Kế toán ngân hàng	45	15	30	2			1	1			TL	Trần Thị Tuyền	
3	MH1104208	Thực tập tốt nghiệp	225		225	5						5	BC	Trần Thị Tuyền Lê Trung San	
Tổng cộng:			330	45	285	10	0	0	3	2	0	5			

PHỤ TRÁCH KHOA
(Ký, họ tên)

ThS. TRẦN THỊ HOA

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

ThS. TRẦN THỊ HOA

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
KHOA KINH TẾ
Số:/KH-KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO KHÓA 26

Ngành: **THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

Bậc: Cao đẳng Chính quy

Học kỳ: 01

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104245	Định hướng nghề nghiệp	30	30		2			2				TL	Mai Văn Thành	
2	MH1109026	Tiếng Anh 1	60	30	30	3			2	1			TN	Trương Thị Ngọc Thu	
3	MH1104034	Kinh tế học	60	30	30	3			2	1			TNTM	Trần Thị Hoa	
4	MH1104038	Marketing căn bản	60	30	30	3			2	1			TNTM	Nguyễn Tiến Dũng	
5	MH1109025	Giáo dục quốc phòng và an ninh	75	45	30	4								ĐH Tôn Đức Thắng	
6	MH1109023	Giáo dục thể chất 1	30	0	30	1								Nguyễn Đình Hưng	
Tổng cộng:			315	165	150	16	0	0	8	3	0	0			

Học kỳ: 02

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109021	Giáo dục chính trị	75	45	30	4			3	1			TN	Hồ Thị Trinh	
2	MH1109027	Tiếng Anh 2	60	30	30	3			2	1			TN	Trương Thị Ngọc Thu	
3	MH1104295	Quản trị học	45	45	0	3			3				TNTM	Mai Văn Thành	
4	MH1104036	Nguyên lý kế toán	60	30	30	3			2	1			TNTM	GVTG	
5	MH1109016	Tin học	75	15	60	3			1		2		TN	Dương Minh Tâm	

6	MH1109024	Giáo dục thể chất 2	30	0	30	1								Nguyễn Đình Hưng	
Tổng cộng:			345	165	180	17	0	0	11	3	2	0			

Học kỳ: 03

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109022	Pháp luật	30	30	0	2			2	0			TN	Bùi Ngọc Thùy Ngân	
2	MH1104232	Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMĐT)	60	30	30	3			2	1			TNTM	Nhan Kim Anh	
4	MH1104302	Chuỗi cung ứng căn bản	45	45		3			3				TL	Mai Văn Thành	
5	MH1104257	Thương mại điện tử (TMĐT)	75	45	30	4			3	1			TL	Trần Bảo Quốc	
6	MH1104267	Digital marketing	75	15	60	3			1	2			TL	GVTG	
Tổng cộng:			285	165	120	15	0	0	11	4	0	0			

Học kỳ: 04

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104246	Giao tiếp trong kinh doanh	30	30		2			2				TL	Hồ Thiện Thông Minh	
2	MH1104259	Thanh toán điện tử	60	30	30	3			2		1		TL	GVTG	
3	MH1104260	Thiết kế và quản trị website	75	15	60	3			1		2		TL	Phạm Quang Sáng	
4	MH1104261	Quan hệ chăm sóc khách hàng	75	15	60	3			1	2			TL	GVTG	
5	MH1104258	Thư tín thương mại	75	45	30	4			3	1			TL	Nguyễn Thị Linh Thanh	

6	MH1104250	Ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh	60	30	30	3			2		1		TL	Nguyễn Văn Trinh	
Tổng cộng:			375	165	210	18	0	0	11	3	4	0			

Học kỳ: 05

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104238	Vận tải và giao nhận hàng hóa	75	15	60	3			1	2			TL	Lê Quang Trung	
2	MH1104262	Kỹ thuật xử lý ảnh và thiết kế đồ họa	75	45	30	4			3		1		TL	Trần Bảo Quốc	
3	MH1104263	Thực tập doanh nghiệp 1 (TMĐT)	225		225	5						5	BC	Nguyễn Thị Linh Thanh	
Tổng cộng:			375	60	315	12	0	0	4	2	1	5			

Học kỳ: 06

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104266	An toàn mạng và chữ ký số	75	15	60	3			1		2		TL	Trần Mỹ Phương Trà	
2	MH1104233	Soạn thảo văn bản	45	15	30	2			1		1		TL	GVTG	
3	MH1104264	Thực tập doanh nghiệp 2 (TMĐT)	270		270	6						6	BC	Nguyễn Thị Linh Thanh	

Tổng cộng:	390	30	360	11	0	0	2	0	3	6		
-------------------	------------	-----------	------------	-----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	--	--

Học kỳ: 07

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104249	Khởi sự kinh doanh	60	30	30	3			2	1			TL	Kiều Ngọc Dũng	
2	MH1104265	Thực tập tốt nghiệp (TMĐT)	360		360	8						8	BC	Nguyễn Thị Linh Thanh	
Tổng cộng:			420	30	390	11	0	0	2	1	0	8			

PHỤ TRÁCH KHOA
(Ký, họ tên)

ThS. TRẦN THỊ HOA

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

ThS. TRẦN THỊ HOA

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
KHOA KINH TẾ
Số:/KH-KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO KHÓA 26

Ngành: LOGISTICS

Bậc: Cao đẳng Chính quy

Học kỳ: 01

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104245	Định hướng nghề nghiệp	30	30		2			2				TL	Mai Văn Thành	
2	MH1109026	Tiếng Anh 1	60	30	30	3			2	1			TN	Trương Thị Ngọc Thu	
3	MH1104034	Kinh tế học	60	30	30	3			2	1			TNTM	Mai Văn Thành	
4	MH1104038	Marketing căn bản	60	30	30	3			2	1			TNTM	GVTG	
5	MH1109025	Giáo dục quốc phòng và an ninh	75	45	30	4								ĐH Tôn Đức Thắng	
6	MH1109023	Giáo dục thể chất 1	30	0	30	1								Lê Thanh Danh	
Tổng cộng:			315	165	150	16	0	0	8	3	0	0			

Học kỳ: 02

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109021	Giáo dục chính trị	75	45	30	4			3	1			TN	Phan Thị Kim Thúy	
2	MH1109027	Tiếng Anh 2	60	30	30	3			2	1			TN	Trương Thị Ngọc Thu	
3	MH1104295	Quản trị học	45	45	0	3			3				TNTM	Mai Văn Thành	
4	MH1104036	Nguyên lý kế toán	60	30	30	3			2	1			TNTM	GVTG	
5	MH1109016	Tin học	75	15	60	3			1		2		TN	Dương Minh Tâm	

6	MH1109024	Giáo dục thể chất 2	30	0	30	1								Lê Thanh Danh	
Tổng cộng:			345	165	180	17	0	0	11	3	2	0			

Học kỳ: 03

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1109022	Pháp luật	30	30	0	2			2	0			TN	Bùi Ngọc Thùy Ngân	
2	MH1104232	Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMDT)	60	30	30	3			2	1			TNTM	GVTG	
4	MH1104302	Chuỗi cung ứng căn bản	45	45		3			3				TL	Mai Văn Thành	
5	MH1104231	Logistics căn bản	45	15	30	2			1	1			TL	Mai Văn Thành	
6	MH1104240	Thủ tục hải quan	45	15	30	2			1	1			TL	Lê Quang Trung	
Tổng cộng:			225	135	90	12	0	0	9	3	0	0			

Học kỳ: 04

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104246	Giao tiếp trong kinh doanh	30	30		2			2				TL	Nhan Phương Thái	
2	MH1104236	Lập kế hoạch và điều độ trong chuỗi cung ứng	60	30	30	3			2	1			TL	Lê Quang Trung	
3	MH1104237	Hệ thống thông tin Logistics	75	15	60	3			1		2		TL	Lê Quang Trung	
4	MH1104241	An toàn, sức khỏe và môi trường	45	15	30	2			1			1	TL	Lương Nguyễn Hoài Linh	

5	MH1104250	Ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh	60	30	30	3			2		1		TL	Phạm Quang Sáng	
Tổng cộng:			270	120	150	13	0	0	8	1	3	1			

Học kỳ: 05

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104238	Vận tải và giao nhận hàng hóa	75	15	60	3			1	2			TL	Lê Quang Trung	
2	MH1104239	Nghiệp vụ quản lý kho hàng	75	15	60	3			1	2			TL	Mai Văn Thành	
3	MH1104234	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	60	30	30	3			2	1			TL	Mai Văn Thành	
4	MH1104235	Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	45	15	30	2			1	1			TL	Nguyễn Tiến Dũng	
5	MH1104242	Thực tập doanh nghiệp 1 (Logistics)	135		135	3						3	BC	Mai Văn Thành	
Tổng cộng:			390	75	315	14	0	0	5	6	0	3			

Học kỳ: 06

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104253	Hàng hóa và kỹ thuật đóng gói bao bì	45	15	30	2			1	1			TL	Lê Quang Trung	

2	MH1104254	Chuỗi cung ứng nâng cao	45	15	30	2			1	1			TL	Lương Nguyễn Hoài Linh	
3	MH1104233	Soạn thảo văn bản	45	15	30	2			1		1		TL	GVTG	
4	MH1104243	Thực tập doanh nghiệp 2 (Logistics)	180		180	4						4	BC	Mai Văn Thành	
Tổng cộng:			315	45	270	10	0	0	3	2	1	4			

Học kỳ: 07

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số giờ			Tín chỉ							Hình thức thi	Giảng viên giảng dạy	Ghi chú
			Tổng	LT	TH	Tổng	Lý thuyết Công nghệ	THLT Công nghệ	Lý thuyết kinh tế	THLT kinh tế	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành			
1	MH1104249	Khởi sự kinh doanh	60	30	30	3			2	1			TL	Nguyễn Tiến Dũng	
2	MH1104244	Thực tập tốt nghiệp (Logistics)	225		225	5						5	BC	Mai Văn Thành	
Tổng cộng:			285	30	255	8	0	0	2	1	0	5			

PHỤ TRÁCH KHOA
(Ký, họ tên)

ThS. TRẦN THỊ HOA

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
 Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

ThS. TRẦN THỊ HOA